

Mẫu CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty: Công Ty CP Kỹ Nghệ Lạnh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(Quý IV năm 2009)

50 GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 3729

ĐẾN

Giờ: Ngày: 1 tháng 3 năm 2010

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	513,529,447,401	619,358,497,409
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	56,782,996,359	57,099,397,652
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	163,257,604,850	212,347,169,135
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	184,436,573,871	212,692,012,267
4	Hàng tồn kho	104,218,953,403	135,748,161,396
5	Tài sản ngắn hạn khác	4,833,318,918	1,471,756,959
II	Tài sản dài hạn	49,873,966,628	48,774,025,889
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	41,754,923,032	40,976,082,839
	- Tài sản cố định hữu hình	26,406,490,668	25,380,157,271
	- Tài sản cố định vô hình	4,230,855,556	4,223,229,037
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11,117,576,808	11,372,696,531
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4,129,727,847	3,676,067,847
5	Tài sản dài hạn khác	3,989,315,749	4,121,875,203
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	563,403,414,029	668,132,523,298
IV	Nợ phải trả	255,138,669,053	353,332,915,220
1	Nợ ngắn hạn	251,001,693,112	346,700,224,620
2	Nợ dài hạn	4,136,975,941	6,632,690,600
V	Vốn chủ sở hữu	308,264,744,976	314,799,608,078
1	Vốn chủ sở hữu	306,614,972,930	313,214,883,119
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,200,660,000	80,200,660,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	188,826,182,260	188,826,182,260
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	(64,500,000)	(64,500,000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	12,102,331,165	12,102,331,165
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25,550,299,505	32,150,209,694
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1,649,772,046	1,584,724,959
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,649,772,046	1,584,724,959
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	563,403,414,029	668,132,523,298



II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)*

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	101,874,215,270	399,584,966,814
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	105,279,982	1,582,337,568
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	101,768,935,288	398,002,629,246
4	Giá vốn hàng bán	79,003,902,590	335,202,734,778
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22,765,032,698	62,799,894,468
6	Doanh thu hoạt động tài chính	7,029,622,612	25,810,040,262
7	Chi phí tài chính	53,533,688	3,133,171,744
8	Chi phí bán hàng	200,365,951	582,174,645
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,037,925,280	35,113,791,905
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15,502,830,391	49,780,796,436
11	Thu nhập khác	1,284,020,692	2,763,643,411
12	Chi phí khác	897,749,124	905,587,529
13	Lợi nhuận khác	386,271,568	1,858,055,882
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15,889,101,959	51,638,852,318
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,676,650,570	11,921,768,624
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12,212,451,389	39,717,083,694

Ngày 26 tháng 02 năm 2010**Tổng Giám Đốc**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) **Lê Tấn Phước**